**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN HẠ HÒA**
**TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2023/HNGĐ-ST.
Ngày 12-01-2023
*V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ HOÀ, TỈNH PHÚ THỌ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Lạc

*Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị Quý

Bà Ngô Thị Hóa

*Thư ký ghi biên bản phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thoan - Thư ký Tòa án.

*Đại diện VKSND huyện Hạ Hòa tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Duy Chinh - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hạ Hoà, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Anh **Trần Đức Q,** sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu 2 xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Đỗ Thị H,** sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 2 xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã M, huyện Đ, Thành phố Hà Nội.

***( Anh Q và chị H đề nghị xét xử vắng mặt )***

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Đức Q là nguyên đơn trình bày:

Tôi kết hôn với chị Đỗ Thị H vào ngày 7 tháng 12 năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Hạ Hòa , tỉnh Phú thọ. Sau kết hôn vợ chồng cùng lao động tự do tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn khoảng 4 năm sau khi kết hôn nguyên nhân là do bất đồng về kinh tế, bất đồng trong quan điểm sống.

Do mâu thuẫn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, thậm chí còn xảy ra xô sát. Từ đó đến nay vợ chồng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn, mặt khác do tôi phải đi làm xa nhà thường xuyên nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Vợ chồng sống ly thân khoảng 6 năm nay, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi yêu cầu TAND huyện Hạ Hòa giải quyết cho tôi được ly hôn chị H.

Về con chung: Tôi xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hoàng V, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/4/2014. Hiện 2 cháu đang ở với chị H. Ly hôn, tôi đồng ý chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung, tôi sẽ cấp dưỡng cho từng cháu, mỗi cháu một tháng là 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Trần Đức Q có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại văn bản đề ngày 03/01/2023, chị Đỗ Thị H trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Đức Q vào ngày 07 tháng 12 năm 2004, đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện H , tỉnh Phú thọ. Sau kết hôn vợ chồng lao động tự do tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Do mâu thuẫn nên vợ chồng sống ly thân hơn một năm nay, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp. Anh Q đi làm không về nhà và không quan tâm đến vợ con như trước. Nay anh Q yêu cầu TAND huyện Hạ Hòa giải quyết ly hôn, vì các con chị không đồng ý ly hôn. Nếu anh Q kiên quyết ly hôn, chị cũng không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Chị H xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Trần Hoàng V, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/4/2014. Hiện 2 cháu đang ở với chị. Nếu ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, chị đồng ý anh Q sẽ cấp dưỡng cho từng cháu, mỗi cháu một tháng là 2.000.000đ.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Tôi xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc của chị là lao động tự do nên không có điều kiện để về Tòa án làm việc được, chị đề nghị giải quyết vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án và đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng được quy định tại BLTTDS. Các đương sự đã được triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại BLTTDS. HĐXX tiến hành tố tụng tại phiên tòa theo trình tự pháp luật quy định.

Đề nghị HĐXX xử cho anh Trần Đức Q được ly hôn chị Đỗ Thị H.

Về con chung: Giao chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trần Hoàng V, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Trần Thị Như Y, sinh ngày 24/4/2014 kể từ tháng 02/2023 cho đến khi các cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cả hai cháu từng tháng, mỗi tháng số tiền là 2.000.000đ/cháu, hai cháu là 4.000.000đ kể từ tháng 02/2023 cho đến khi từng cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Q, chị H đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Q, chị H xác định không có, không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000đ tiền án phí LHST và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập làm việc và thông báo cho chị Đỗ Thị H tham gia buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị H không có mặt. Xác định vụ án không tiến hành hòa giải vì nguyên đơn đề nghị không tiến hành hòa giải quy định tại khoản 4 điều 207 của BLTTDS. Anh Q, chị H đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 – BLTTDS, Tòa án xét xử theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Đức Q và chị Đỗ Thị H kết hôn ngày 07/12/2004 hoàn toàn tự nguyện và được UBND xã L, huyện H, tỉnh Phú Thọ đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là một hôn nhân hợp pháp. Sau kết hôn vợ chồng cùng lao động tự do tại huyện Đ, Thành phố Hà Nội. Anh Q xác định vợ chồng có quá nhiều mâu thuẫn, thậm chí còn xảy ra xô xát, nguyên nhân vì bất đồng trong quan điểm sống và kinh tế, vợ chồng sống ly thân khoảng 6 năm nay. Hiện nay do thường xuyên đi làm xa nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Anh Q xin ly hôn vì không thể tiếp tục cuộc sống chung như hiện nay. Chị H không nhất trí ly hôn vì các con chung. HĐXX xét thấy: Tại văn bản của chị Đỗ Thị H gửi đến TAND huyện Hạ Hòa, chị H thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân hơn một năm. Anh Q đi làm không về nhà và không còn quan tâm đến vợ con như trước. Chị vì các con chung nên không nhất trí ly hôn chứ không phải vì chị vẫn còn tình yêu thương vợ chồng đối với anh Q. Mặt khác, đại diện gia đình anh Q cho biết vợ chồng anh chị Q, H có nhiều bất đồng trong quan điểm sống, tại thời điểm vợ chồng có nhiều khó khăn gia đình cũng đã khuyên bảo về địa phương sinh sống và làm ăn nhưng chị H kiên quyết không về. Hơn nữa trong cuộc sống chị H cũng thiếu đi sự tôn trọng chồng và gia đình chồng. Vợ chồng mâu thuẫn, gia đình cũng đã

khuyên bảo nhưng anh Q vẫn kiên quyết xin ly hôn đó là quyết định của anh Q, gia đình không can thiệp. Đại diện chính quyền địa phương cho biết, sau kết hôn vợ chồng anh Q chị H không ở địa phương và làm lao động tự do ở Hà Nội. Vợ chồng anh chị chỉ thỉnh thoảng về địa phương nên việc vợ chồng mâu thuẫn như thế nào địa phương không được biết. Nay anh Q xin ly hôn, đề nghị Tòa án căn cứ vào tình hình thực tế của vợ chồng để giải quyết đúng quy định của pháp luật. Từ những nhận định trên cho thấy tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị Q H mâu thuẫn là trầm trọng, thực tế cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận đơn khởi kiện của anh Q và cần xử cho anh Q được ly hôn chị H là phù hợp.

[3] Về con chung: Xác định anh Q, chị H có hai con chung là cháu Trần Hoàng V, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Trần Thị Như Y, sinh ngày 14/4/2014, hiện các cháu đang ở với chị H. Ly hôn, anh Q nhất trí để chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và anh sẽ cấp dưỡng cho cả hai cháu, mỗi cháu số tiền là 2.000.000đ/tháng. Quan điểm của chị H: Nếu ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và nhất trí anh Q sẽ cấp dưỡng cho cả hai cháu, mỗi cháu 2.000.000đ/tháng. Về thực tế thì hiện chị H đang trực tiếp nuôi dưỡng các cháu, sau ly hôn cần giao chị H tiếp tục nuôi dưỡng hai con chung kể từ tháng 02/2023 cho đến khi từng cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cả hai cháu từng tháng, mỗi tháng số tiền là 2.000.000đ/cháu, hai cháu là 4.000.000đ kể từ tháng 02/2023 cho đến khi từng cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Q, chị H xác định không có, không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Q phải chịu 300.000đ tiền án phí LHST và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên*.

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 57, 81, 82, 83, 110, 116, 117 - Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 4 điều 207; khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1-Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Trần Đức Q được ly hôn chị Đỗ Thị H.

2-Về con chung: Xử: Giao cho chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu Trần Hoàng V, sinh ngày 11/02/2006 và cháu Trần Thị Như Y, sinh

ngày 14/4/2014 kể từ tháng 02/2023 cho đến khi từng cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác. Anh Q có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cả hai cháu từng tháng, mỗi tháng số tiền là 2.000.000đ/cháu ( hai triệu đồng ) , hai cháu là 4.000.000đ ( Bốn triệu đồng ) kể từ tháng 02/2023 cho đến khi từng cháu thành niên hoặc có sự thay đổi khác.

Anh Q, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung sau ly hôn theo quy định của pháp luật. Chị H và các thành viên trong gia đình không được ngăn cản việc anh Q thăm nom, trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con chung.

3- Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Q, chị H xác định không có, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không đặt ra giải quyết.

4-Về án phí: Anh Trần Đức Q phải chịu 300.000đ ( Ba trăm nghìn đồng ) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục THADS huyện Hạ Hòa theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005117 ngày 22/11/2022 ( xác nhận đã nộp đủ).

Anh Trần Đức Q phải chịu 300.000đ ( ba trăm nghìn đồng ) án phí cấp dưỡng.

Anh Q, chị H có quyền kháng cáo lên TAND tỉnh Phú thọ yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thị Lạc**

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Hạ Hòa;
- UBND xã L;
- CCTHADS huyện Hạ Hòa;
- Lưu HS – VP.